

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt trữ lượng khoáng đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại thị trấn Yên Lâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa”
(Trữ lượng tính đến ngày 23 tháng 02 năm 2022)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Chỉ thị số 38/CT-TTg ngày 29/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng và xuất khẩu khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 /12/2016; Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30/11/2017 bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 /12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 60/2017/TT-BTNMT ngày 08/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản rắn; Quyết định số 26/2007/QĐ-BTNMT ngày 31/12/2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên đá carbonat;

Căn cứ Quyết định số 4343/QĐ-UBND ngày 14/10/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung các Quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản đã phê duyệt trước ngày 01/01/2019;

Căn cứ Quyết định số 3328/QĐ-UBND ngày 27/8/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt bổ sung khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh;

Căn cứ Giấy phép số 284/GP-UBND ngày 27/12/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc cho phép Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư xây dựng hạ tầng Anh Tuấn được thăm dò khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại thị trấn Yên Lâm, huyện Yên Định.

Xét Đơn đề nghị ngày 25/02/2022 kèm theo hồ sơ của Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư xây dựng hạ tầng Anh Tuấn đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại thị trấn Yên Lâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 378/TTr-STNMT ngày 29/4/2022 (kèm theo phiếu đánh giá Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại thị trấn Yên Lâm, huyện Yên Định của các chuyên gia và cán bộ chuyên môn thuộc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Tài chính và hồ sơ chỉnh sửa của đơn vị).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua báo cáo và phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại thị trấn Yên Lâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa”, với các nội dung chính sau:

1. Diện tích khu vực thăm dò, phê duyệt trữ lượng là 15,06 ha gồm 02 khu vực: Khu vực 1 có diện tích 10,54 ha được giới hạn bởi các điểm góc từ 1 đến 10; khu vực 2 có diện tích 4,52 ha được giới hạn bởi các điểm góc từ 11 đến 20 (có tọa độ được xác định tại Phụ lục số 01).

2. Phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường đã tính trong báo cáo: 4.108.215 m³, trong đó có 246.493 m³ đá khối để xẻ, bao gồm:

+ Trữ lượng cấp 121: 420.147 m³ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường, trong đó có 25.209 m³ đá khối để xẻ;

+ Trữ lượng cấp 122: 3.688.068 m³ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường, trong đó có 221.284 m³ đá khối để xẻ.

- Trữ lượng từng khu vực cụ thể như sau:

+ Khu vực 1: 3.763.526 m³ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường, trong đó có 225.811 m³ đá khối để xẻ;

+ Khu vực 2: 344.689 m³ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường, trong đó có 20.682 m³ đá khối để xẻ.

3. Khoáng sản đi kèm: Không.

4. Mức sâu và các khối trữ lượng phê duyệt: Như Phụ lục số 02 kèm theo.

Trữ lượng và tài nguyên khoáng đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường của từng khối, cấp được thống kê chi tiết tại Phụ lục số 02 kèm theo Quyết định này.

5. Xác nhận trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác: 4.108.215 m³, trong đó có 246.493 m³ đá khối để xẻ, bao gồm:

+ Trữ lượng cấp 121: 420.147 m³ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường, trong đó có 25.209 m³ đá khối để xẻ;

+ Trữ lượng cấp 122: 3.688.068 m³ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường, trong đó có 221.284 m³ đá khối để xẻ.

- Trữ lượng từng khu vực cụ thể như sau:

+ Khu vực 1: 3.763.526 m³ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường, trong đó có 225.811 m³ đá khối để xẻ;

+ Khu vực 2: 344.689 m³ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường, trong đó có 20.682 m³ đá khối để xẻ.

- Các khoáng sản đi kèm: Không.

Điều 2. Các tài liệu của báo cáo kết quả thăm dò được sử dụng để lập dự án đầu tư khai thác mỏ/thiết kế khai thác mỏ và giao nộp lưu trữ địa chất.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Văn phòng Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Trung tâm Thông tin Lưu trữ địa chất;
- Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư xây dựng hạ tầng Anh Tuấn;
- Lưu: VT, CN (T05.11).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Đức Giang

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**TỌA ĐỘ KHU VỰC THĂM DÒ, PHÊ DUYỆT TRỮ LƯỢNG
KHOÁNG SẢN ĐÁ VÔI LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG
TẠI THỊ TRẤN YÊN LÂM, HUYỆN YÊN ĐỊNH, TỈNH THANH HÓA**
(Kèm theo Quyết định phê duyệt trữ lượng số /QĐ-UBND
ngày tháng năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Khu vực	Điểm góc	Hệ tọa độ VN 2000 (Kinh tuyến trục 105 ⁰ , múi chiếu 3 ⁰)	
		X (m)	Y (m)
Khu vực 1 10,54 ha	1	2218 007.82	555 505.06
	2	2218 043.84	555 613.00
	3	2217 656.54	555 731.76
	4	2217 541.94	555 529.31
	5	2217 578.29	555 500.40
	6	2217 609.19	555 478.89
	7	2217 662.62	555 429.64
	8	2217 723.40	555 339.59
	9	2217 763.64	555 392.91
	10	2217 857.52	555 446.44
Khu vực 2 4,52 ha	11	2217 771.47	555 031.37
	12	2217 543.20	555 313.09
	13	2217 568.65	555 337.93
	14	2217 629.91	555 305.00
	15	2217 702.62	555 298.51
	16	2217 753.66	555 330.37
	17	2217 807.38	555 325.93
	18	2.217 855.21	555 296.51
	19	2217 801.44	555 184.46
	20	2217 818.76	555 126.14
Diện tích mỏ 15,06 ha			

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**THỐNG KÊ TRỮ LƯỢNG VÀ TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN KHOÁNG
SẢN ĐÁ VÔI LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG TẠI THỊ
TRẦN YÊN LÂM, HUYỆN YÊN ĐỊNH, TỈNH THANH HÓA**

(Kèm theo Quyết định phê duyệt trữ lượng số /QĐ-UBND
ngày tháng năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

STT	Khối trữ lượng	Mức sâu thấp nhất khối trữ lượng (m)	Trữ lượng (m ³)	Ghi chú
1	II-121	+ 17,0	420.147	
Tổng 121			420.147	
2	I-122	+ 17,0	1.301.605	
3	III-122	+ 17,0	1.123.000	
4	IV-122	+ 17,0	642.557	
5	V-122	+ 17,0	276.217	
6	VI-122	+ 17,0	79.529	
7	VII-122	+ 17,0	182.520	
8	VIII-122	+ 17,0	82.640	
Tổng 122			3.688.068	
Tổng trữ lượng cấp 121 + 122			4.108.215	